



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

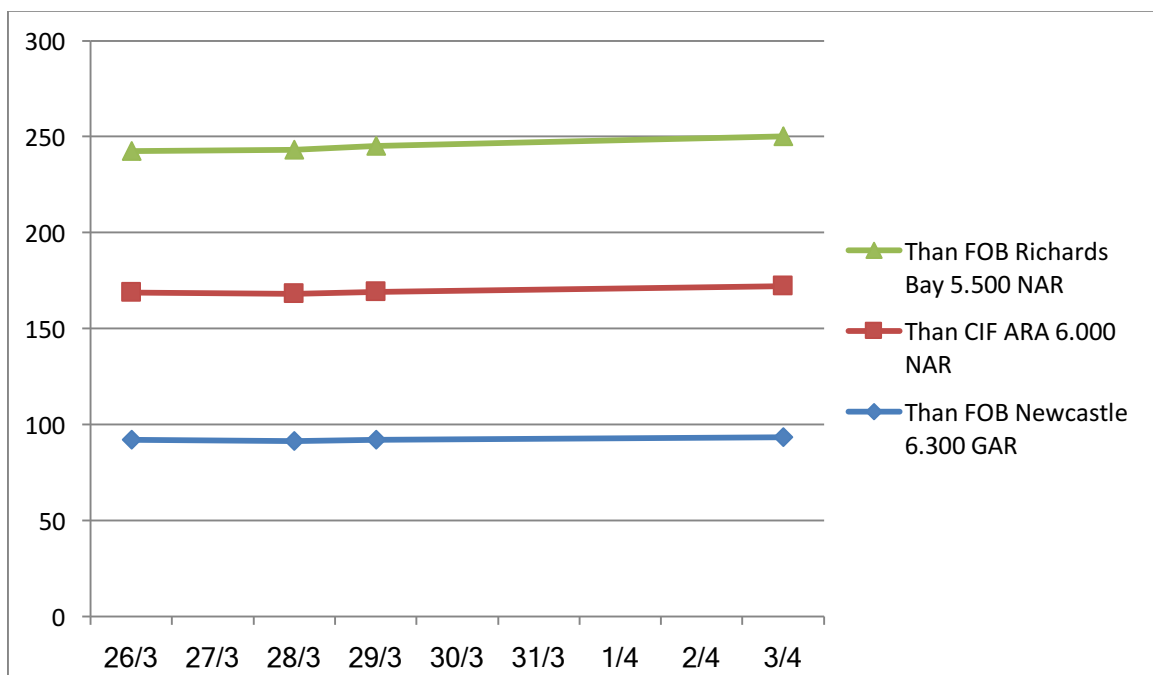
Ngày 04/04/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	93,50	+1,45	92,70	+0,55
CIF ARA 6.000 NAR	78,50	+1,50	78,60	+1,60
FOB Richards Bay 5.500 NAR	78,05	+1,95	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	78,75	-0,25
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	63,00	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	49,85	-0,50	365,05	-3,55
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	71,35	+0,00	522,50	+0,17
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	79,50	-0,50	582,18	-3,48

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 03/04/2018)

ĐIỂM TIN

Mỏ than BlackGold tại Indonesia sở hữu trữ lượng 147 triệu tấn

Công ty khai thác than BlackGold Natural Resources vừa công bố qua một nghiên cứu độc lập của hãng rằng mỏ than BlackGold tại Indonesia có trữ lượng khoảng 147 triệu tấn. Các nghiên cứu được thực hiện bởi các nhà địa chất có uy tín tại khu mỏ trên chỉ ra rằng riêng khu vực PT Samantaka Batubara đã có trữ lượng than lên đến 55 triệu tấn và các khu vực khác thì khoảng 92 triệu tấn than. Công ty BlackGold Natural Resources sẽ khai thác than tại các khu mỏ nêu trên nhằm cung cấp 3,5 triệu tấn than mỗi năm cho dự án NMNĐ Riau-1 Mine-Mouth Power Plant của chính công ty tại Indonesia. Các công ty liên doanh khai thác dự án cho biết thêm rằng đây là một kế hoạch cung cấp than hợp lý cho dự án Riau-1 và đã nhận được một giải thưởng về ý tưởng đến từ hiệp hội các NMNĐ thuộc quyền sở hữu của chính phủ Indonesia và công ty PT Perusahaan Listrik Negara (PLN – công ty độc quyền phân phối điện ở Indonesia). Vào ngày 24/1 vừa qua, BlackGold Natural Resources thông báo đã nhận được yêu cầu từ PLN về việc trao đổi các điều khoản liên quan đến hợp đồng mua bán điện (Power Purchase Agreement - PPA) liên quan đến dự án Riau-1. Các công ty liên doanh tham gia khai thác dự án Riau-1 cho biết họ sẽ hợp với công ty PLN để thỏa thuận các điều khoản liên quan đến giá bán điện, thời hạn hợp đồng PPA cũng như thời gian bắt đầu dự án. Các công ty liên doanh tham gia khai thác dự án Riau-1 bao gồm BlackGold Natural Resources, PT- Pembangkitan Jawa – Bali, PT PLN Batubara và China Huadian Engineering Co.

Giá cước vận chuyển than đường biển tại Trung Quốc giảm trong tuần qua

Giá cước vận chuyển than từ cảng Qinhuangdao thuộc khu vực phía bắc Trung Quốc đến các cảng khác như Zhangjiagang, Shanghai và Guangzhou thuộc khu vực phía tây và phía nam Trung Quốc đã giảm trong tuần vừa qua. Cụ thể giá cước vận chuyển từ Qinhuangdao tới Zhangjiagang ở phía tây tỉnh Jiangsu đối với tàu có tải trọng từ 20.000 – 30.000 tấn đã giảm 3,60 NDT/tấn so với tuần trước đạt mức 33,70 NDT/tấn (tương đương 5,35 USD/tấn) theo thống kê hôm 3/4 vừa qua. Giá cước vận chuyển từ Qinhuangdao đến Shanghai thuộc khu vực phía tây Trung Quốc đối với tàu có tải trọng từ 40.000 - 50.000 tấn giảm 3 NDT/tấn so với tuần trước xuống mức 25,40 NDT/tấn. Giá cước vận chuyển từ Qinhuangdao đến Guangzhou thuộc khu vực phía nam Trung Quốc đối với tàu có tải trọng từ 50.000 - 60.000 tấn giảm 2,60 NDT/tấn so với tuần trước đó và chỉ còn 34,50 NDT/tấn. Nguồn điện năng được cung cấp bởi thủy điện từ khu vực phía tây và phía nam Trung Quốc dồi dào chính là nguyên nhân khiến nhu cầu về lượng điện từ các NMNĐ trong nước giảm đi, khiến giá cước vận chuyển than đường biển cũng phải giảm theo. Trong khi đó các nguồn tin cho biết lượng than lưu trữ tại cảng Qinhuangdao hiện đứng ở mức 6,59 triệu tấn theo thống kê ngày 3/4 vừa qua, tăng từ mức 6,38 triệu tấn ngày 27/3.

Xuất khẩu than từ cảng Kembla Coal Terminal trong tháng 3 tăng 138%

Lượng than xuất khẩu từ bến than Port Kembla Coal Terminal (PKCT) ở bang New South Wales, Australia đã phục hồi trong tháng 3 sau nhiều tháng ở mức thấp. Port Kembla đã luân chuyển đi 605.028 tấn than trong tháng 3, tăng 168% so với tháng 2 nhưng lại giảm đến 33% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là lượng than xuất đi từ cảng này lớn nhất kể từ tháng 4 năm ngoái khi đó đạt 685.515 tấn. Trong các tháng trước đó, các bến than tại đây đã phải đối mặt với một vài vấn đề liên quan đến nhân viên, sản lượng than khai thác dẫn đến có lúc lượng than xuất khẩu chỉ 117.956 tấn trong tháng 11 năm ngoái. Trong suốt 6 tháng trước đó, lượng than xuất khẩu trung bình chỉ đạt 285.526 tấn/tháng so với con số 561.826 tấn/tháng vào cùng thời điểm 1 năm trước đó. Mặc dù lượng than xuất khẩu đã phục hồi trong tháng 3 vừa qua, tuy nhiên lượng than xuất đi vẫn còn thấp so với năng suất thông thường của các bến than. Trong tháng 3 năm ngoái, PKCT đã vận chuyển khoảng 909.353 tấn than. Lượng than lưu trữ tại Port Kembla hiện ở mức 224.343 tấn theo thống kê cuối tháng 3 vừa qua, giảm từ mức 288.780 tấn lúc 1 tháng trước đó. Hiện tại không có tàu nào chờ làm hàng ở các bến than tại đây, các bến than PKCT chủ yếu phục vụ việc xuất khẩu tại khu vực phía nam và phía tây bang New South Wales.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	6,60	-0,35
	Queensland	Nhật Bản	7,60	-0,45
	New South Wales	Hàn Quốc	8,15	-0,45
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	13,65	-0,15
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,10	-0,15
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,85	-0,15
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,65	-0,15
	Úc	Trung Quốc	12,15	-0,05
	Úc	Ấn Độ	13,75	-0,05

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 03/04/2018)